

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/DS -ST.
Ngày 26 - 6- 2024.
V/v: “Kiện tranh chấp
hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ -TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hoa và bà Đoàn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Anh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Trương Hoàng Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số thụ lý số 04/2024/TLST - TCDS ngày 05/3/2024; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2024/QĐST – TCDS ngày 14/6/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Cụ Ngô Thị T, sinh năm 1926; địa chỉ: Xóm N, xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

+ Đại diện theo uỷ quyền của cụ T Bà Lại Thị Hồng N, sinh năm 1972; địa chỉ: Xóm N, xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

- Bị đơn: Bà Lại Thị M, sinh năm 1972; địa chỉ: Xóm B, thôn L, xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa có mặt bà N, vắng mặt bà M.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai, các tài liệu có trong hồ sơ và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn; đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Cụ Ngô Thị T, sinh năm 1926; địa chỉ: xóm N, xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam cùng địa chỉ với bà N (hiện bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng cụ T). Cụ T tuổi đã cao, sức quá yếu và đã uỷ quyền cho chị N đến Toà án đề nghị giải quyết việc như sau: Cụ T sinh được 07 người con lần lượt là: Lại Thị A, Lại Thị L, Lại Văn M1 (đã chết), Lại Thị L, Lại Thị M, Lại Văn M2 và Lại Thị Hồng N. Cụ T bán đất lấy tiền đã cho 07 người con, mỗi người con số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), còn lại cụ tạo điều kiện cho 07 người con, mỗi người vay 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Khi vay 07 người con có ký vào giấy vay tiền và thoả thuận khi nào cần lấy tiền thì cụ T báo trước 10 ngày, các con phải trả cụ đầy đủ. Cụ thể ngày 09/7/2020 bà Lại Thị M đã nhận số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) tiền

vay cụ T giao cho và đã trả lãi mỗi tháng là 100.000đ (một trăm nghìn đồng) từ tháng 7 năm 2020 đến hết tháng 4 năm 2023, từ tháng 5 năm 2023 là không trả lãi và cụ T nhiều lần đòi lại số tiền gốc 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) nhưng bà M cũng không trả. Nay cụ T đề nghị Toà án giải quyết buộc bà M trả lại cụ T đủ số tiền nợ gốc là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) để cụ T lấy tiền sinh hoạt và chữa bệnh lúc cuối đời, tiền lãi tính từ ngày 20 tháng 4 năm 2023 đến tháng 4 năm 2024 tạm tính là 12 tháng tổng là 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng) vào ngày 20 hàng tháng, nếu chưa trả số tiền gốc thì vẫn phải trả lãi tiếp mỗi tháng là 100.000đ cho đến khi trả hết nợ.

*** Ý kiến trình bày của bị đơn:** Cụ T sinh được 07 người con như bà N khai là đúng. Khi cụ T bán đất có cho mỗi người con số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Ngoài ra cụ T cho 07 người con mỗi người vay số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), trong đó có bà M vay số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và lãi mỗi tháng 100.000đ, số tiền lãi hàng tháng trả cụ Thiếc bà đã trả đến tháng 4 năm 2023 là hoàn toàn đúng nhưng vì lý do gia đình quá khó khăn nên xin Toà án xem xét cho bà được trả cụ T số tiền gốc với hình thức là trả dần, trả cụ thể thế nào thì bà còn thu xếp nên chưa trả lời ngay được, còn lãi không trả được.

*** Tại phiên tòa:**

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn giữ nguyên quan điểm trong đơn khởi kiện của cụ T và yêu cầu tính lãi từ ngày 20/4/2023 đến hết ngày 26/6/2024 (ngày xét xử sơ thẩm) là 14 tháng tương ứng với số tiền lãi là 1.400.000đ và tính lãi theo pháp luật quy định nếu bà M vẫn chậm trả tiền sau khi Toà đã xét xử sơ thẩm cho đến khi trả đủ tiền cho cụ T (đối với số tiền lãi từ ngày 21 đến ngày 26/6/2024 không yêu cầu Toà án tính vì khoản tiền lãi này không đáng kể).

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là: HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ; bị đơn chưa chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của các đương sự tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX xem xét, quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144; 147; 227; 228; 273; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 117, 357, 385, 386, 393, 397, 400, 401, 402, 429, 463, 465, 466, Điều 468, khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của cụ Ngô Thị T.

Buộc bà Lại Thị M phải trả cụ Ngô Thị T số tiền nợ gốc là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 1.400.000đ (một triệu bốn trăm nghìn đồng). Tổng cộng số tiền bà M phải trả cụ T tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 51.400.000đ (năm mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (26/6/2024) cho đến khi thi hành án xong, nếu bên phải thi hành (bà M) chậm trả tiền cụ T thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất đã thoả thuận giữa cụ T và bà M trong giấy biên nhận lập ngày 09/7/2020.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị giải quyết theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn cụ Ngô Thị T khởi kiện bà Lại Thị M đòi số tiền đã cho vay là 50.000.000đ từ ngày 09/7/2020 và tiền lãi mỗi tháng là 100.000đ (một trăm nghìn đồng) kể từ 20 tháng 5 năm 2023 đến nay. Bà Lại Thị M có địa chỉ tại xã Li, thành phố P nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 việc tranh chấp trên thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam theo trình tự sơ thẩm.

[2] Về xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng: Tại phiên toà mở lần thứ hai, Toà án đã tổng đạt hợp lệ nhưng bà M vắng mặt không có lý do; Căn cứ các Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Toà án xét xử vắng mặt, công bố lời khai là đúng pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi nợ gốc:

Căn cứ các tài liệu do các bên đưa ra và Toà án thu thập thì việc cụ T và bà M xác lập giao dịch vay tài sản vào ngày 29/7/2020 là có thật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, cụ T đã thông báo yêu cầu trả nợ gốc nhưng bà M chưa thực hiện được và tiền lãi mỗi tháng phải trả 100.000đ, bà M trả lãi hết tháng 4 năm 2023, còn từ tháng 5 năm 2023 đến nay chưa trả lãi. Các nội dung trên được các bên đương sự thừa nhận nên căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Toà án không phải chứng minh.

Căn cứ quy định tại các Điều 117, 385, 386, 393, 400; khoản 1 Điều 401; các Điều 402, 463, 465 Bộ luật Dân sự 2015 thì văn bản giấy biên nhận lập ngày 09/7/2020 có chữ ký của cụ T, bà M và các con của cụ T là thỏa thuận tự nguyện giữa bên vay và bên cho vay thỏa mãn các quy định của pháp luật về hợp đồng dân sự song vụ là hợp đồng vay không có kỳ hạn và có lãi có hiệu lực buộc các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, cụ T đã thông báo yêu cầu trả nợ gốc nhưng bà M không thực hiện được. Do đó căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015

cần buộc bà M trả cụ T số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*) là đúng pháp luật nên được HĐXX chấp nhận

- Về yêu cầu tính lãi: Căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 thì thoả thuận lãi trong hợp đồng vay tài sản giữa các đương sự là đúng pháp luật, đôi bên thừa nhận thời điểm đã trả lãi đến hết tháng 4 năm 2024, ngày trả lãi là 20 hàng tháng. Căn cứ khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015; yêu cầu đòi lãi của nguyên đơn tính tiếp từ ngày 21/4/2023 đến ngày 26/5/2024 là 14 tháng với tổng số tiền 1.400.000đ có căn cứ được HĐXX chấp nhận. Việc đại diện bên nguyên đơn không yêu cầu tính lãi từ ngày 21 đến ngày 26/6/2024 là quyền tự định đoạt của đương sự không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn nên Toà chấp nhận.

Như vậy bà M có nghĩa vụ trả cụ T tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 51.400.000đ.

Bà Mỹ có đề nghị trong hồ sơ vụ án xin trả dần nợ gốc và không phải trả lãi từ tháng 5/2023 đến khi trả hết nợ gốc. Tuy nhiên bên nguyên đơn không đồng ý và cũng không có căn cứ pháp lý nào khác để Toà án chấp nhận. Do đó cần buộc bà M thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi đến ngày xét xử sơ thẩm (26/6/2024) là 51.400.000đ.

[4] Về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn nêu bà M chậm trả tiền; Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong mà bà M vẫn chậm trả tiền thì còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành theo thoả thuận trong giấy biên nhận lập ngày 09/7/2020 nên yêu cầu này của cụ T có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà M có nghĩa vụ phải trả tiền nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo pháp luật quy định. Cụ T được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên xét đơn xin miễn án phí bà M thuộc hộ cận nghèo được miễn nán phí. Cụ T thuộc đối tượng người cao tuổi được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên Tòa không phải xử lý tạm ứng án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144; 147; 227; 228; 273; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 117, 357, 385, 386, 393, 397, 400, 401, 402, 429, 463, 465, 466, Điều 468, khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của cụ Ngô Thị T.

Buộc bà Lại Thị M phải trả cụ Ngô Thị T số tiền nợ gốc là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Nợ lãi tính từ ngày 21/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/6/2024) là 1.400.000đ (một triệu bốn trăm nghìn đồng). Tổng cộng số tiền bà M phải trả cụ T tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 51.400.000đ (năm mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (26/6/2024) cho đến khi thi hành án xong, nếu bên phải thi hành (bà M) chậm trả tiền cụ T thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất đã thoả thuận giữa cụ Th và bà M trong giấy biên nhận lập ngày 09/7/2020.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lại Thị M được miễn án phí; cụ T được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên Tòa không phải xử lý tạm ứng án phí của cụ T.

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THA dân sự TP Phủ Lý;
- Các đương sự;
- Người được ủy quyền của nguyên đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Mai Oanh